TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-PT
Ngày: 23-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quý
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Hà
Ông Ngô Thanh Sỹ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Công – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc: *" Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 38/2017/DS – ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 468/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T
Địa chỉ: phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.
Địa chỉ Chi nhánh: đường H, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông D ủy quyền cho ông Lê Hiền T - Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho Phòng An Ninh và Phòng kiểm soát Gian lận, Phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng - Ngân hàng T (Theo văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10/8/2016)
Ông T ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987 - Nhân viên (Theo văn bản ủy quyền số 48/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 13/3/2017)
- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc Lụa O, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ S, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai
- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngân hàng T
- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai
(Ông V - có mặt, bà O - có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai: Nguyên đơn Ngân hàng T do anh Nguyễn Hoàng V là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21/7/2014, bà Huỳnh Ngọc Lụa O có ký Hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 với Ngân hàng T vay số tiền 26.250.000 đồng, lãi suất 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân . Theo thỏa thuận tại Hợp đồng , bà O trả góp hàng tháng, bà O có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.617.000 đồng (gồm số nợ gốc 26.250.000 đồng và tiền lãi là 14.367.000 đồng) trả chậm trong 18 tháng, Trong 17 tháng đầu, mỗi tháng trả số tiền 2.246.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.435.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2014. Phương thức giải ngân là thông qua tài khoản của khách hàng mở tại Ngân hàng T.

Thực hiện Hợp đồng, bà O đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho N gân hàng 06 lần với số tiền 6.246.000 đồng (trong đó, thanh toán nợ gốc 3.575.800 đồng và tiền lãi 2.670.200 đồng). Kể từ ngày 12/12/2016, bà O không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng , dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Trong quá trình Tòa án giải quyết, bà O đã trả thêm cho Ngân hàng 6.000.000 đồng. Hiện bà O còn nợ Ngân hàng T số nợ gốc là 16.674.200 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà O trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc 16.674.200 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Ngân hàng xác định số nợ 26.250.000 đồng trên là do bà O giao dịch trực tiếp với Ngân hàng , ông Nguyễn Thành H (chồng của bà O) không tham gia . Do đó, Ngân hàng không yêu cầu ông H cùng thanh toán với bà O.

Trong quá trình Tòa án giải quyết , Ngân hàng có nhận được Quyết định yêu cầu Ngân hàng cung cấp chứng cứ là Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng T – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho ông K – Phó Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Chí Minh để xác định người có thẩm quyền ký k ết Hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay do một số vấn đề về lưu trữ, Ngân hàng chưa thể cung cấp văn bản ủy quyền theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Ngân hàng xác định ông K được ông Ngô Chí D là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng T ủy quyền trực tiếp ký kết Hợp đồng tín dụng và ủy quyền lại cho cá nhân khác trong nội bộ Ngân hàng T ký kết Hợp đồng tín dụng với các khách hàng. Và tại phiên tòa, Ngân hàng không cung cấp được Văn bản ủy quyền để xác định người có thẩm quyền ký kết Hợp đồng , Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng, bị đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Huỳnh Ngọc Lụa O trình bày:

Ngày 21/7/2014, bà có ký Hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 với Ngân hàng T vay số tiền 26.250.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Theo thỏa thuận, bà trả góp hàng tháng, bà có trách nhiệm thanh toán số tiền 40.617.000 đồng (gồm số nợ gốc 26.250.000 đồng và tiền lãi là 14.367.000 đồng) trả chậm trong 18 tháng, Trong 17 tháng đầu, mỗi tháng trả số tiền 2.246.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.435.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/9/2014.

Sau khi ký kết Hợp đồng , bà đã nhận đủ số t iền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng T 06 lần với số tiền 6.246.000 đồng (trong đó , thanh toán nợ gốc 3.575.800 đồng và tiền lãi 2.670.200 đồng). Kể từ ngày 12/12/2016, do kinh tế khó khăn nên bà không thanh toán cho Ngân hàng nh ư thỏa thuận. Trong quá trình Tòa án giải quyết, bà đã trả thêm cho Ngân hàng 6.000.000 đồng. Hiện bà còn nợ Ngân hàng T số nợ gốc là 16.674.200 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc 16.674.200 đồng, không yêu cầu trả lãi suất . Bà có ý kiến như sau:

Khi tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng T , do bà không am hiểu pháp luật nên bà không biết người đại diện cho Ngân hà ng ký kết Hợp đồng có thẩm quyền ký kết Hợp đồng . Do đó, bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật . Nếu người đại diện cho Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng với bà có thẩm quyền ký kết , bà đồng ý thanh toán số nợ gốc theo yêu cầu của Ngân hàng và được trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nếu người đại diện cho Ngân hàng không có thẩm quyền ký kết Hợp đồng , bà đề nghị Hội đồng xét xử hủy Hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 ngày 21/7/2014 và giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà xác định, số nợ 26.250.000 đồng trên là do bà trực tiếp giao dịch với Ngân hàng, ông Nguyễn Thành H (chồng của bà) không tham gia, số nợ trên là nợ riêng của bà, không phải nợ chung vợ chồng.

Tại bản án sơ thẩm số: 38/2017/DS – ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 96; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 688; điểm a khoản 1 Điều 117; Điều 122; Điều 131; Điều 357; Điều 463; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 13 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 6 của Nghị Định số 59/2009/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Huỳnh Ngọc Lụa O.

– Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 ngày 21/7/2014 được ký kết giữa Ngân hàng T và bà Huỳnh Ngọc Lụa O vô hiệu do người ký kết giao dịch dân sự không đúng thẩm quyền.

– Buộc bà Huỳnh Ngọc Lụa O thanh toán cho Ngân hàng T số nợ gốc còn lại 14.004.000 đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Ngọc Lụa O phải chịu 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm . Hoàn trả cho Ngân hàng T 870.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006284, ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả . Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi

suất 20%/năm của khoản tiền vay , trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Nếu không có thỏa thuận , thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, ông Lê Hiền T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng T có đơn kháng toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

Hợp đồng là sự tự nguyện thỏa thuận giao dịch giữa bà Huỳnh Ngọc Lụa O và và Ngân hàng T không trái quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà O đã nhiều lần đóng các khoản thanh toán một phần nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng; Ngân hàng cũng đã có văn bản công nhận thẩm quyền ký kết hợp đồng tín dụng của nhân viên Ngân hàng cho nên việc Tòa án nhận định không có cơ sở để chứng minh người ký kết hợp đồng tín dụng không có thẩm quyền ký kết hợp đồng nên tuyên hợp đồng trên vô hiệu là không khách quan, thiếu căn cứ pháp luật.

Ngày 21/9/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị số: 292/QĐKNPT -10 với nội dung:

- Về quan hệ pháp luật: Theo quy định tại Điều 4, Điều 98 Luật số 47/2010/QH12 luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 16/6/2010 thì cấp tín dụng là một trong những hoạt động của Ngân hàng thương mại nói chung, Ngân hàng T nói riêng. Ngày 21/7/2014, bà Huỳnh Ngọc Lụa O có ký hợp đồng tín dụng số 20140726 -500001 – 0095 với Ngân hàng T vay số tiền 26.250.000đồng, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Sau khi nhận đủ số tiền vay, bà O đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 6.246.000đồng (trong đó nợ gốc là 3.575.800 đồng, tiền lãi là 2.670.200 đồng) nhưng kể từ ngày 12/12/2016 bà O không thực hiện thanh toán cho Ngân hàng T theo hợp đồng đã ký. Qúa trình Tòa án giải quyết, bà O trả cho Ngân hàng T được số tiền 6.000.000 đồng. Do đó Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc bà O phải thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 16.674.200 đồng một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng T, không yêu cầu tính lãi phát sinh trong thời gian vi phạm hợp đồng. Như vậy quan hệ pháp luật được xác định là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" nhưng cấp sơ thẩm lại xác định là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là không chính xác.

- Về đường lối giải quyết: Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là ông Ngô Chí D, chức danh Chủ tịch hội đồng quản trị, ông D đã có văn bản ủy quyền số 6116/2916/UQ –CT ngày 10/8/2016 cho ông Lê Hiếu T, chức vụ trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng thực hiện một số công việc trong đó được tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp với tư cách nguyên đơn.

Ngày 10/8/2017 ông Lê Hiền T – đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đã có văn bản số 25/QTRR –CF.17 gửi Tòa án xác định theo cơ chế ủy quyền của Ngân hàng, ông K được trực tiếp ký hợp đồng tín dụng và ủy quyền lại cho cá nhân khác trong nội bộ Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng với các khách hàng. Do đó hợp đồng tín dụng số 20140726 -500001 -0095 ngày 21/7/2014 giữa Ngân hàng T (do ông Bạch Thái V đại diện) với bà Huỳnh Ngọc Lụa O không vi phạm về hình thức,

phạm vi đại diện cũng như nội dung của hợp đồng. Mặt khác, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 20140726 -500001 – 0095, bà O đã nhận đủ tiền theo hợp đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.000.000 đồng, nên căn cứ quy định tại Điều 139,144 và 145 Bộ luật dân sự năm 2005 xác định hợp đồng hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 ngày 21/7/2014 giữa Ngân hàng T (Do ông Bạch Thái V đại diện) với bà Huỳnh Ngọc Lụa O có hiệu lực và các đương sự có trách nhiệm thực hiện.

Qúa trình giải quyết vụ án, do việc lưu trữ nên Ngân hàng chưa cung cấp được văn bản ủy quyền của ông Ngô Chí D cho ông K được trực tiếp và ủy quyền lại cho cá nhân khác ký kết hợp đồng tín dụng nhưng ý kiến xác nhận của Ngân hàng cũng phù hợp với quy định tại Điều 93 Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 luật các tổ chức tín dụng.

Khoản 1,3 Điều 93 Luật số 47/2010/QH12 quy định: "1.Tổ chức tín dụng phải xây dựng và ban hành các quy định nội bộ đối với các hoạt động nghiệp vụ của tổ chức tín dụng bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý các trường hợp khẩn cấp.…3.Tổ chức tín dụng phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước các quy định nội bộ tại khoản 2 điều này ngay sau khi ban hành".

Bản án sơ thẩm đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng tín dụng vô hiệu do người ký kết hợp đồng không đúng thẩm quyền, buộc bà Huỳnh Ngọc Lụa O thanh tóan cho Ngân hàng T số nợ gốc còn lại 14.004.000 đồng là chưa đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Vì vậy, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đưa ra xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa một phần bản án số 38/2017/DS –ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành về quan hệ pháp luật và đường lối giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, của các đương sự là đúng với các quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ tại Điều 4, Điều 98 Luật số 47/2010/QH12 Luật tổ chức tín dụng được Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 16/6/2010 và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì quan hệ tranh chấp là " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa chính xác. Sau khi Viện kiểm sát kháng nghị, ngày 28/9/2017 Ngân hàng T đã cung cấp được Quyết định số 11/2011/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2011 ban hành quy chế quản lý khối tín dụng tiêu dùng, 02 văn bản ủy quyền thể hiện ông Lô Bằng G (chức vụ phó Chủ tịch hội đồng quản trị) được đại diện Ngân hàng ký kết các hợp đồng. Trong đó có hợp đồng tín dụng, ông G được quyền ủy quyền lại cho cán bộ nhân viên khác ký các văn bản trong phạm vi được ủy quyền. Sau đó ông G đã có văn bản ủy quyền cho ông K, ông K tiếp tục có văn bản ủy quyền lại cho 03 người trong đó có ông Bạch Thái V. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 ngày 21/7/2014 giữa Ngân hàng T(do ông V

đại diện) với bà Huỳnh Ngọc Lụa O có hiệu lực và các bên có trách nhiệm thực hiện.

Ngân hàng T yêu cầu bà O thanh toán số nợ gốc còn lại là 16.674.200đ không yêu cầu trả lãi là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng tín dụng vô hiệu do người ký hợp đồng dân sự không đúng thẩm quyền, buộc bà Huỳnh Ngọc Lụa O thanh toán cho Ngân hàng T số nợ gốc còn lại 14.004.000đ là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng vô hiệu nhưng khi giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu lại không xác định lỗi của từng bên theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự 2015 (Điều 137 Bộ luật dân sự 2005).

Vì vậy, kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là có cơ sở. Cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật và đường lối giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng Tkháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo quy định của pháp luật.

- Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà O có đơn xin được vắng mặt không tham gia phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà O tiếp tục có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo quy định tại Điều 4, Điều 98 Luật số 47/2010/QH12 Luật tổ chức tín dụng thì tín cấp tín dụng là một trong những hoạt động của Ngân hàng thương mại nói chung, Ngân hàng T nói riêng. Đồng thời, bà Huỳnh Ngọc Lụa O xác nhận 21/7/2014 bà có ký Hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 với Ngân hàng T vay số tiền 26.250.000 đồng, lãi suất 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân và bà O đã nhận đủ tiền vay cũng như đã thanh toán cho Ngân hàng T 06 lần với số tiền 6.246.000 đồng (trong đó, thanh toán nợ gốc 3.575.800 đồng và tiền lãi 2.670.200 đồng). Kể từ ngày 12/12/2016, bà O không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng vi phạm nghĩa vụ đối với Hợp đồng đã ký nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà O phải trả số tiền mà Ngân hàng đã cho bà vay theo hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 (Trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T thì bà O đã trả thêm cho Ngân hàng 6.000.000 đồng). Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tòa án cấp sơ thẩm xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là chưa chính xác.

[3] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Đối với thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định; căn cứ Điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng T thì người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là ông Ngô Chí D, ông D không có Văn bản ủy quyền cho ông Bạch Thái V được toàn quyền ký kết Hợp đồng tín dụng. Việc ông V đại diện cho Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm Ngân hàng T đã cung cấp được:

Quyết định số 11/2011/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2011 ban hành quy chế quản lý khối tín dụng tiêu dùng; Văn bản ủy quyền số 07/2011/UQ-CT ngày 04/5/2011 thể hiện ông Ngô Chí D ủy quyền lại cho ông Lô Bằng G (chức vụ phó chủ tịch Hội đồng quản trị) được đại diện và nhân danh Ngân hàng T ký kết hợp đồng, trong đó có hợp đồng tín dụng, ông G được quyền ủy quyền lại cho cán bộ nhân viên khác ký các văn bản trong phạm vi được ủy quyền; Văn bản ủy quyền số 08/2011/UQ-CT ngày 04/5/2011 với nội dung ông Lô Bằng G ủy quyền lại cho ông K, ông K được quyền ủy quyền lại cho cán bộ nhân viên khác ký hợp đồng.

Ngày 10/4/2013 ông K đã có Văn bản ủy quyền số 19/2013/UQ-GDK-TDTD cho 03 người, trong đó có ông Bạch Thái V. Mặt khác, theo phần I của Nghị quyết số: 04/2003/NQ – HĐTP, ngày 27/5/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: "hợp đồng kinh tế không bị coi là vô hiệu toàn bộ, nếu người ký kết hợp đồng kinh tế không đúng thẩm quyền nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, người mà theo quy định của pháp luật có thẩm quyền ký kết hợp đồng kinh tế đó (sau đây gọi tắt là người có thẩm quyền) chấp thuận. Được coi là người có thẩm quyền chấp thuận nếu người đó đã biết hợp đồng kinh tế đã được ký kết mà không phản đối. Được coi là người có thẩm quyền đã biết mà không phản đối khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a)Sau khi hợp đồng kinh tế đã được ký kết, có đầy đủ căn cứ chứng minh rằng người ký kết hợp đồng kinh tế đã báo cáo với người có thẩm quyền biết hợp đồng kinhtế đã được ký kết (việc báo cáo đó được thể hiện trong biên bản họp giao ban của Ban giám đốc, biên bản cuộc họp của Hội đồng thành viên hay Hội đồng quản trị, có nhiều người khai thống nhất về việc báo cáo là có thật...).

b)Người có thẩm quyền thông qua các chứng từ, tài liệu về kế toán, thống kê biết được hợp đồng kinh tế đó đã được ký kết và đang được thực hiện (đã ký trên hóa đơn, phiếu xuất kho, các khoản thu chi của việc thực hiện hợp đồng kinh tế hoặctrên sổ sách kế toán của pháp nhân...).

c)Người có thẩm quyền có những hành vi chứng minh có tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng kinh tế (ký các văn bản xin gia hạn thời gian thanh toán, cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, ký các văn bản duyệt thu, chi hay quyết toán đối chiếu công nợ liên quan đến việc thực hiện hợp đồng kinh tế...)"

Đồng thời, bà Huỳnh Ngọc Lụa O cũng thừa nhận sau khi ký hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 ngày 21/7/2014, bà O đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng T số tiền là: 6.246.000đồng (trong đó nợ gốc là 3.575.800 đồng, tiền lãi là 2.670.200 đồng) và trong qúa trình Tòa án giải quyết, bà O trả cho Ngân hàng T 6.000.000 đồng, hiện bà O còn nợ Ngân hàng T số nợ gốc là 16.674.200 đồng. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều

139, Điều 144 và Điều 145 bộ luật dân sự 2005 thì hợp đồng tín dụng số 20140726 – 500001 – 0095 ngày 21/7/2014 giữa Ngân hàng T với bà Huỳnh Ngọc Lụa O có hiệu lực và các đương sự có trách nhiệm thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng vô hiệu là không có căn cứ.

Ngân hàng Tchỉ yêu cầu bà Huỳnh Ngọc Lụa O phải thanh toán số nợ gốc còn thiếu là 16.674.200 đồng không yêu cầu trả tiền lãi là có lợi cho bà O. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Huỳnh Ngọc Lụa O phải thanh toán số nợ gốc còn thiếu là 16.674.200 đồng cho Ngân hàng T

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm nên Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Huỳnh Ngọc Lụa O phải chịu 834.000đ (Tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Trả lại Ngân hàng T 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006284 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng T không phải chịu. Trả lại lại Ngân hàng T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006757 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành

[5] Về quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Đồng Nai: Quan điểm của Đại diệnViện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn sửa một phần bản sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 139, 144, 145, Điều 471, Điều 474, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 4, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T. Buộc bà Huỳnh Ngọc Lụa O trả số tiền nợ gốc 16.674.200 đồng (mười sáu triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm đồng) cho Ngân hàng T.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Huỳnh Ngọc Lụa O phải chịu 834.000đ (Tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Trả lại Ngân hàng T 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006284 ngày 21/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng T không phải chịu. Trả lại lại Ngân hàng T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006757 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Đương sự;
- TAND huyện Long Thành;
- VKS.ND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA.DS huyện Long Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Quý